

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP XUÂN LÂM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP XUÂN LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XUAN LAM INDUSTRIAL AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300998720

**3. Ngày thành lập:** 05/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Xuân Lê, Xã Xuân Lâm, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0983326790

Fax:

Email: [thaihoa80@gmail.com](mailto:thaihoa80@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2592        |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663        |
| 3.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 4.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Giấy vệ sinh; Khăn ăn, giấy ăn, khăn lau; Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh; Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy; Sản xuất giấy viết, giấy in; Sản xuất giấy in cho máy vi tính; Sản xuất giấy tự copy khác; Sản xuất giấy nền và giấy than; Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; Sản xuất phong bì, bưu thiếp; Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; Sản xuất hộp, túi, túi dệt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy | 1709        |
| 5.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811        |
| 6.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1812        |
| 7.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                     | 7730        |
| 8.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2817        |
| 9.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3290(Chính) |
| 10. | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: : Sản xuất cáp, máy in, cáp màn hình, cáp USB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2610        |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6810        |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4662        |
| 13. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2511        |
| 14. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2410        |
| 15. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2392        |
| 16. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2395        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRINH QUỐC ANH    | Xóm 18, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 900.000    | 9.000.000.000         | 45,000    | 187250396                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 900.000    | 9.000.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN HẢI    | Tổ 1, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    | 038076000133                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THỊ THÁI HÒA | Phòng 206, nhà C2, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 900.000    | 9.000.000.000         | 45,000    | 012922515                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 900.000    | 9.000.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRỊNH QUỐC ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/04/1994*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *187250396*

Ngày cấp: *02/06/2010*

Nơi cấp: *Công an Nghệ An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 18, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 18, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh